

DANH SÁCH TRÍCH NGANG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THAM GIA THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn				Trình độ nghiệp vụ				Chức vụ (từ Phó trưởng BM trở lên)	Phân loại giảng viên*		Số giờ thực tế/năm học
		Học hàm/ học vị	Chuyên ngành TN	Năm TN	Nơi TN	NVSP	QLNN	Tin học	Ngoại ngữ		Biên chế	HD dài hạn	
1	2	5	6	7	8	9	10	12	13	14	16	17	
1	Trần Thị Hòa	Tiến sỹ	Bản đồ	2019	Đào tạo ở nước ngoài	x		Tiến sỹ	B1		x		0
2	Bùi Thế Vinh	Tiến sỹ	Công nghệ thông tin	2016	Đào tạo ở nước ngoài	x		Tiến sỹ	B1		x		0
3	Bùi Thị ánh Nguyệt	Thạc sỹ	Công nghệ thông t in	2017	Viện ĐH Mở Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		163.58
4	Bùi Thị Vân Anh	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin	2006	Học viện Kỹ thuật quân sự	x		Thạc sỹ	B1		x		1680.76
5	Cảnh Chí Thanh	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin	1985	Trường ĐH Mỏ địa chất Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		0
6	Diêm Công Hoàng	Tiến sỹ	Kỹ thuật truyền thống và tin học	2016	Đào tạo ở nước ngoài	x		Tiến sỹ	B1	Phó GD Trung tâm	x		1501.38
7	Diêm Thị Thuỳ	Thạc sỹ	Bản đồ, viễn thám và hệ thông tin địa lý	2001	Trường ĐH Mỏ địa chất Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		193.63
8	Dương Chí Thiện	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin	2006	Trường ĐH Khoa học tự nhiên (ĐHQGHN)	x		Thạc sỹ	B1		x		1160.04
9	Dương Thị Hiền Thanh	Tiến sỹ	Công nghệ thông tin	2019	Trường ĐH Bách khoa Hà nội	x	x	Tiến sỹ	B1	Trưởng Bộ môn	x		1117.2
10	Dương Thị Tâm	Thạc sỹ	Địa chất công trình	2003	Trường ĐH Mỏ địa chất Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		205.1
11	Đào Anh Thư	Thạc sỹ	Hệ thống thông tin	2014	Trường ĐH Bách khoa Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		1083.15
12	Đào Thị Hồng Thắm	Thạc sỹ	Bản đồ, viễn thám và hệ thông tin địa lý	2018	Trường ĐH Mỏ địa chất Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		0
13	Đào Thị Tuyết	Thạc sỹ	Công nghệ thông t in	2019	Trường ĐH Mỏ địa chất Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		249
14	Đào Thị Thu Vân	Tiến sỹ	Quản lý giáo dục	2014	Đào tạo ở nước ngoài	x		Tiến sỹ	B1	Phó Trưởng Bộ môn	x		1035.1
15	Đặng Hữu Nghị	Thạc sỹ	Tin học	2005	Trường ĐH Bách khoa Hà nội	x	x	Thạc sỹ	B1		x		1377
16	Đặng Quốc Trung	Đại học	Công nghệ thông tin	2011	Trường ĐH Mỏ địa chất Hà nội	x		Đại học	B1		x		1451.46
17	Đặng Văn Nam	Thạc sỹ	Hệ thống thông tin	2012	Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội	x	x	Thạc sỹ	B1	Phó Trưởng Bộ môn	x		1590.5
18	Đặng Xuân Điệp	Thạc sỹ	Hệ thống thông tin	2013	Học viện CN Bưu chính Viễn thông	x		Thạc sỹ	B1		x		1096.99
19	Đinh Bảo Ngọc	Thạc sỹ	Tin học ứng dụng	2019	Đào tạo ở nước ngoài	x		Thạc sỹ	B1		x		131.42
20	Đoàn Khánh Hoàng	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin	2012	Trường ĐH Bách khoa Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		0
21	Đỗ Anh Tuấn	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin	2009	Trường ĐH Mỏ địa chất Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		622.18
22	Đỗ Như Hải	Thạc sỹ	Tin học	2002	Trường ĐH Khoa học tự nhiên (ĐHQGHN)	x		Thạc sỹ	B1		x		1216.03
23	Hoàng Anh Đức	Thạc sỹ	Tin học	2012	Đào tạo ở nước ngoài	x		Thạc sỹ	B1	Phó Trưởng Bộ môn	x		3140.91
24	Hoàng Kim Bàng	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin	1987	Trường ĐH Mỏ địa chất Hà nội	x					x		0
25	Hồ Thị Thảo Trang	Thạc sỹ	Tin học	2009	Đào tạo ở nước ngoài	x		Thạc sỹ	B1		x		898.41
26	Lê Hồng Anh	Tiến sỹ	Công nghệ thông tin	2015	(ĐHQGHN)	x	x	Tiến sỹ	B1	Trưởng Khoa	x		1058.44
27	Lê Thanh Huệ	Phó Giáo sư/	Toán Tin	2010	Trường ĐH Khoa học tự nhiên (ĐHQGHN)	x	x	Tiến sỹ	B4	Phó Trưởng Khoa	x		1259.69
28	Lê Văn Hưng	Phó Giáo sư/	Công nghệ thông t in	2010	Đào tạo ở nước ngoài	x	x	Tiến sỹ	B4	Giám đốc Trung tâm	x		2171.41
29	Nông Thị Oanh	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin	2013	Trường ĐH Mỏ địa chất Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		1004.4
30	Ngô Hùng Long	Thạc sỹ	Địa chất công trình	1999	Trường ĐH Mỏ địa chất Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		265.83
31	Ngô Thị Phương Thảo	Thạc sỹ	Trắc địa	2007	Trường ĐH Mỏ địa chất Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		458.06
32	Nguyễn Duy Huy	Tiến sỹ	Công nghệ thông tin	2017	Trường ĐH Mỏ địa chất Hà nội	x	x	Tiến sỹ	B1	Phó Trưởng Khoa	x		1023.28
33	Nguyễn Hoàng Long	Tiến sỹ	Công nghệ thông tin	2019	Đào tạo ở nước ngoài	x		Tiến sỹ	B1	Phó Trưởng Bộ môn	x		220.88
34	Nguyễn Quang Khánh	Tiến sỹ	Trắc địa	2011	Trường ĐH Mỏ địa chất Hà nội	x	x	Tiến sỹ	B1		x		799.7
35	Nguyễn Tuấn Anh	Thạc sỹ	Toán Tin	2000	Trường ĐH Dân lập Thăng long (HN)	x	x	Thạc sỹ	B1		x		245.65
36	Nguyễn Thế Bình	Thạc sỹ	Kinh tế công nghiệp	2010	Trường ĐH Mỏ địa chất Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		1600.4
37	Nguyễn Thế Lộc	Tiến sỹ	Công nghệ thông tin	2018	Đào tạo ở nước ngoài	x	x	Tiến sỹ	B1	Phó Trưởng phòng	x		321.68
38	Nguyễn Thị Hải Yến	Thạc sỹ	Địa chất công trình	2007	Trường ĐH Mỏ địa chất Hà nội	x	x	Thạc sỹ	B1	Phó Trưởng Bộ môn	x		619.65
39	Nguyễn Thị Hữu Phương	Thạc sỹ	Tin học	2012	Trường ĐH Mỏ địa chất Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		1839.29
40	Nguyễn Thị Mai Dung	Tiến sỹ	Bản đồ, viễn thám & hệ thông tin địa lý	2008	Đào tạo ở nước ngoài	x	x	Tiến sỹ	B1	Phó Trưởng Khoa	x		1233.29
41	Nguyễn Thị Phần	Đại học	Công nghệ thông t in	2017	Viện ĐH Mở Hà nội	x		Đại học	B1		x		0
42	Nguyễn Thị Phương Bắc	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin	2019	Trường ĐH Bách khoa Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		870.1
43	Nguyễn Thị Thanh	Thạc sỹ	Tin học	2010	Trường ĐH Bách khoa Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		1527.82

44	Nguyễn Thu Hằng	Thạc sỹ	Kinh tế	2007	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	x		Thạc sỹ	B1	Phó Trưởng Bộ môn	x		926.52
45	Nguyễn Thuỳ Dương	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin	2010	Viện ĐH Mở Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		255.81
46	Nguyễn Trường Linh	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin	2017	Trường ĐH Mở địa chất Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		102.73
47	Phạm An Cường	Thạc sỹ	Địa chất	2002	Trường ĐH Mở địa chất Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		213.3
48	Phạm Đình Tân	Thạc sỹ	Điện - điện tử	2011	Đào tạo ở nước ngoài	x		Thạc sỹ	B1		x		1410.71
49	Phạm Đức Hậu	Thạc sỹ	Trắc địa	1991	Trường ĐH Mở địa chất Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		1281.77
50	Phạm Hữu Lợi	Thạc sỹ	Kinh tế công nghiệp	2010	Trường ĐH Mở địa chất Hà nội	x		Thạc sỹ	B1	Phó Trưởng phòng	x		0
51	Phạm Quang hiển	Đại học	Công nghệ thông tin	2013	Trường ĐH Mở địa chất Hà nội	x		Đại học	B1		x		1256.8
52	Phạm Thị Hải Vân	Thạc sỹ	Kế toán	2017	Học viện Tài chính Kế toán	x		Thạc sỹ	B1		x		210.23
53	Phạm Thị Nguyệt	Thạc sỹ	Kinh tế mô	2006	Trường ĐH Mở địa chất Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		870.3
54	Phạm Văn Đồng	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin	2010	Trường ĐH Bách khoa Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		2001.08
55	Tạ Quang Chiếu	Tiến sỹ	Công nghệ thông tin	2016	Đào tạo ở nước ngoài	x	x	Tiến sỹ	B1	Trưởng Bộ môn	x		1510.59
56	Trần Mai Hương	Thạc sỹ	Bản đồ, viễn thám và hệ thông tin địa lý	2012	Trường ĐH Mở địa chất Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		847.39
57	Trần Thị Hải Vân	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin	2014	Học viện Kỹ thuật quân sự	x		Thạc sỹ	B1		x		0
58	Trần Thị Như Hoa	Thạc sỹ	Tin học	2017	Trường ĐH Mở địa chất Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		424.28
59	Trần Thị Thu Thuý	Thạc sỹ	Điện tử viễn thông	2007	Trường ĐH Bách khoa Hà nội	x		Thạc sỹ	B1	Phó Trưởng Bộ môn	x		466.21
60	Trần Trung Chuyển	Tiến sỹ	Kỹ thuật trắc địa	2018	Trường ĐH Mở địa chất Hà nội	x	x	Tiến sỹ	B1		x		1079.71
61	Trần Trường Giang	Thạc sỹ	Khoa học địa thông tin và quan sát trái đất	2012	Đào tạo ở nước ngoài	x		Thạc sỹ	B1		x		0
62	Trương Xuân Bình	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin	2015	Học viện Kỹ thuật quân sự	x		Thạc sỹ	B1		x		842.16
63	Trương Xuân Luận	Giáo sư/Tiến	thăm dò	1992	Trường ĐH Mở địa chất Hà nội	x		Tiến sỹ	B4	Trưởng Bộ môn	x		1021.2
64	Võ Thị Thu Trang	Thạc sỹ	Kinh tế	2001	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	x		Thạc sỹ	B1		x		786.9
65	Vũ Lan Phương	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin	2007	Trường ĐH Bách khoa Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		979.53
66	Vũ Thị Kim Liên	Thạc sỹ	Kinh tế công nghiệp	2009	Trường ĐH Mở địa chất Hà nội	x		Thạc sỹ	B1		x		372.43
67	Vương Thị Như Quỳnh	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin	2002	Trường ĐH Vinh	x		Thạc sỹ	B1		x		710.98